

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-PT  
Ngày: 23 - 01 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Việt

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa; Ông Trần Hữu Sỹ

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Xuân Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Công Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2018/HS-PT ngày 05 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Phạm Quang P, Nguyễn Nhật L, Phạm Hải N do có kháng cáo của các bị cáo này đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Nguyễn Ngọc S**, tên gọi khác, sinh ngày 13 tháng 2 năm 1984 tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Có vợ: Lê Thị H và 01 con sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tháng 6 năm 2002 bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt hành chính về hành vi “Xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác”; tháng 10 năm 2015, bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích”; bị bắt tạm giữ ngày 07 tháng 10 năm 2017 sau đó bị tạm giam đến ngày 05 tháng 3 năm 2018 được thay đổi biện pháp Tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh. Vắng mặt.

**2. Cao Thanh H**, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1984 tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, Phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Kinh doanh cầm đồ; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; **quốc tịch:**

**Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;** con ông Cao Khắc H và bà Trần Thị Hồng C, Chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, Bản án số 41/2012/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện **Quảng Trạch xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 26 tháng 4 năm 2016; nhân thân: ngày 10 tháng 8 năm 2002, bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”;** ngày 07 tháng 10 năm 2017 bị bắt tạm giữ, sau đó bị tạm giam đến ngày ngày 05 tháng 3 năm 2018 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

**3. Phạm Quang P,** sinh ngày 03 tháng 01 năm 1987 tại huyện Q, tỉnh **Quảng Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;** bố dựng ông Phạm Quang P và bà Ngô Thị B; vợ: Nguyễn Thị H; có 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không, tiền án: Có 01 tiền án: Bản án số 41/2016/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2016, của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; ngày 07 tháng 10 năm 2017 bị bắt tạm giữ, sau đó bị tạm giam đến ngày ngày 05 tháng 3 năm 2018 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

**4. Nguyễn Nhật L,** sinh ngày 04 tháng 6 năm 1984 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; **nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;** con ông Nguyễn Văn L và bà Phan Thị T; **CÓ Vợ:** Phan Thị Hương M và 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 01/2010, sử dụng trái phép chất ma túy, bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng; tháng 12/2012 có hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị Công an huyện Quảng Trạch xử phạt vi phạm hành chính; ngày 07 tháng 10 năm 2017 bị bắt tạm giữ, sau đó bị tạm giam đến ngày ngày 05 tháng 3 năm 2018 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại. **Vắng mặt.**

**5. Phạm Hải N,** sinh ngày 26 tháng 6 năm 1993, tại xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Bình Đ và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đặng Thị Thuý T và có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14 tháng 3 năm 2014, bị Công an huyện Quảng xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

Vụ án còn có các bị cáo Ngô Mạnh L, Phan Thanh D, Phạm Ngọc T, Nguyễn Viết D, Phạm Văn T, Phan Ngọc S; có các bị hại Trương Văn T, Lê Đức H, Trần Văn N, Trần Chiến T, Nguyễn Thị Kim O, Lê Thị Đ, Nguyễn Thành T, Trần Xuân H, Nguyễn Thị L, Trần Thị N và một số người làm chứng nhưng không có kháng cáo, án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2017, tại khu vực Cảng **Hòn La**, xã **Quảng Đông** và khu vực các bến thuyền của các xã Cảnh Dương, Quảng Phú huyện **Quảng Trạch**, có nhiều **thương lái** (nậu mua sò) từ các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An đến thu mua sò biển từ các tàu lặn sò cập bến để bán.

Sau khi nắm bắt được việc thu mua sò biển của các thương lái ngoại tỉnh, nhóm của Ngô Mạnh L, Nguyễn Viết D, Phạm Văn T, Phan Thanh D, Phạm Hải N cùng với nhóm của Nguyễn Ngọc S; Cao

Thanh H, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P và nhóm của Phạm Ngọc T, Phan Ngọc S, đã gặp nhau trao đổi và cùng thống nhất đứng ra ép buộc các thương lái đến thu mua sò biển phải nộp tiền “bảo kê” trên các bến tại xã Quảng Đông, Quảng Phú, Cảnh Dương để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hàng ngày, các nhóm cử người trực tiếp có mặt giám sát việc mua sò tại các điểm thu mua, ghi lại trọng lượng sò mà từng thương lái mua được trong ngày, cuối buổi, cộng tổng trọng lượng sò rồi ép buộc các thương lái phải trả tiền theo mức thu tự đặt ra là từ 4.000 đồng/kg sò đến 10.000 đồng/01 kg sò. Ngoài các đối tượng trực tiếp giám sát theo dõi, tổng hợp lượng sò các thương lái mua được hàng ngày để thu tiền, các đối tượng còn lại thường xuyên có mặt tại các điểm thu mua sò, tạo áp lực về số đông, buộc các thương lái phải nộp tiền, khi cần thiết thì can thiệp, có lời lẽ đe dọa dùng vũ lực hoặc chặn các xe ô tô tải chở sò, yêu cầu thương lái đưa tiền. Các thương lái lo sợ không được vào bến để thu mua và sợ nhóm đối tượng chặn không cho xe chở sò đi nếu để lâu sò bị chết sẽ bị thiệt hại về kinh tế nên các thương lái đều phải miễn cưỡng đưa tiền cho các đối tượng theo mức thu mà bọn chúng đã tự đặt ra.

**Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 9 năm 2017, các bị cáo đã thực hiện hành vi cưỡng đoạt tiền của 5 thương lái đến mua sò tại nhiều địa điểm khác nhau ở các xã Quảng Đông, Quảng Phú, Cảnh Dương thuộc huyện Quảng Trạch, cụ thể:**

Vào khoảng giữa tháng 5 năm 2017, anh Trương Văn T, Trương Văn D và Lê Đức H, cùng chung vốn thu mua sò tại khu vực Cảng Hòn La, xã Quảng Đông. Theo sự phân công của Ngô Mạnh L và Phạm Ngọc T, các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Viết D và Phan Ngọc S trực tiếp giám sát để ép buộc chủ sò nộp tiền tại bến. Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P có mặt hỗ trợ phía trên bờ. T và D đã gặp anh H, người trực tiếp thu mua sò yêu cầu anh H phải đưa tiền với mức thu 5.000 đồng/01 kg sò mua được. Vì sợ các đối tượng có hành động cản trở việc thu mua nên anh H buộc phải đưa tiền cho Phạm Văn T số tiền 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Khoảng 4 đến 5 ngày sau đó, sau khi cộng số lượng sò thu mua của anh H thì T yêu cầu anh H phải đưa số tiền là 11.600.000 đồng (Mười một triệu sáu trăm ngàn đồng). Do số tiền lớn, anh H chưa đưa tiền và bảo đề hỏi ý kiến anh T thì bị Phạm Văn T liên tục điện thoại ép buộc và đe dọa yêu cầu anh Trương Văn T nộp tiền, anh T buộc phải bảo anh H đưa tiền cho T và D, số tiền 11.600.000đ (Mười một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tổng số tiền 14.000.000 đồng chiếm đoạt được của anh H, theo chỉ đạo của Ngô Mạnh L, Nguyễn Viết D đã chia cho nhóm Nguyễn Ngọc S 9.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng Phạm Văn T cầm tiền nên đã ứng số tiền đó với sự nhất trí của Ngô Mạnh L và Phạm Ngọc T. Nhóm của S gồm có S, H, Nhật L và P sau khi nhận tiền từ D đã chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng chi phí xăng xe và ăn uống hết.

Vào giữa tháng 5 năm 2017 vợ chồng anh Trần Chiến T, Nguyễn Thị Kim O vào thu mua sò tại bến đất bồi thuộc xã Cảnh Dương thì các bị cáo Ngô Mạnh L, Phan Thanh D, Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Phạm Quang P, Nguyễn Nhật L đã trực tiếp gặp và buộc anh T phải nộp tiền 10.000 đồng/1kg sò. Anh T đã bị ép đưa cho nhóm này 02 lần tiền, lần thứ nhất 11.920.000 đồng, lần thứ hai 13.000.000 đồng, tổng cộng số tiền anh Trần Chiến T bị chiếm đoạt là 24.920.000 đồng. Ngô Mạnh L đã chia cho nhóm của Nguyễn Ngọc S để tiêu xài nhưng không nhớ cụ thể số tiền chia bao nhiêu.

Từ giữa tháng 6 năm 2017 đến cuối tháng 8 năm 2017 chị Lê Thị Đ cùng chồng là anh Nguyễn Thành T thu mua sò tại bến trước cổng đình làng xã Cảnh Dương. Ngô Mạnh L phân công cho Phan Thanh D giám sát việc thu mua của các thương lái tại bến. Do tàu vào nhiều, một mình Phan Thanh D khó có thể quán xuyến. Cao Thanh H đã trực tiếp giám sát anh H thu mua. Cuối buổi, H tính tổng lượng sò và bảo D thu tiền của H 10.000.000 đồng. Khi D thu tiền thì anh H chỉ đưa 7.000.000 đồng rồi lái xe tải chở sò đi. D báo cho H biết, H lấy 7.000.000 đồng từ D rồi bảo S điều khiển xe ô tô chở H và P đuổi theo xe anh H để lấy cho đủ số tiền 10.000.000 đồng. S lái xe chặn đầu xe ô tô tải của anh H tại khu vực cổng chào làng Cảnh Dương, H xuống xe cầm 7.000.000 đồng tới vứt vào anh H, thái độ hung hăng nói: “Mua thì phải đưa cho đủ, từ ngày mai không được đến đây thu mua nữa”. Do đường hẹp, nên S bảo anh H đi ra Quốc lộ nói chuyện. S cho xe chạy trước, anh H lái xe theo sau, đến phía Nam cầu Roòn, S dừng xe bên phải đường, rồi cùng với H xuống xe, anh H cho xe dừng sau xe của S. Lo xe bị chặn, sò sẽ chết, thiệt hại về kinh tế và sợ không thể đến để thu mua sò tiếp, anh H, chị N xuống xe lấy lý do giá sò giảm nên xin H và S rồi đưa cho S 8.500.000 đồng. H, S đồng ý cho xe anh H đi. Số tiền lấy từ anh H, S đưa cho H đếm được 8.000.000 đồng, số tiền này cuối ngày H đưa lại cho Phan Thanh D để D và Nguyễn Nhật L tổng hợp tiền thu trong ngày báo lại cho Ngô Mạnh L để L trừ chi phí. Sau khi thu tiền của anh H và một số thương lái khác, đã trừ chi phí trong ngày Ngô Mạnh L chỉ đạo cho D chia cho nhóm S, H, L, P 7.500.000 đồng, tổng số tiền thu được trong ngày còn lại D mang về đưa cho Ngô Mạnh L. Sau khi nhận tiền, S, H, L, P chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng chi phí ăn uống hết.

Khoảng giữa tháng 7 năm 2017, anh Trần Xuân H cùng vợ là chị N trú tại xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh đến thu mua sò tại bến trước cổng đình làng xã Cảnh Dương. Ngô Mạnh L phân công cho Phan Thanh D giám sát việc thu mua của các thương lái tại bến. Do tàu vào nhiều, một mình Phan Thanh D khó có thể quán xuyến. Cao Thanh H đã trực tiếp giám sát anh H thu mua. Cuối buổi, H tính tổng lượng sò và bảo D thu tiền của H 10.000.000 đồng. Khi D thu tiền thì anh H chỉ đưa 7.000.000 đồng rồi lái xe tải chở sò đi. D báo cho H biết, H lấy 7.000.000 đồng từ D rồi bảo S điều khiển xe ô tô chở H và P đuổi theo xe anh H để lấy cho đủ số tiền 10.000.000 đồng. S lái xe chặn đầu xe ô tô tải của anh H tại khu vực cổng chào làng Cảnh Dương, H xuống xe cầm 7.000.000 đồng tới vứt vào anh H, thái độ hung hăng nói: “Mua thì phải đưa cho đủ, từ ngày mai không được đến đây thu mua nữa”. Do đường hẹp, nên S bảo anh H đi ra Quốc lộ nói chuyện. S cho xe chạy trước, anh H lái xe theo sau, đến phía Nam cầu Roòn, S dừng xe bên phải đường, rồi cùng với H xuống xe, anh H cho xe dừng sau xe của S. Lo xe bị chặn, sò sẽ chết, thiệt hại về kinh tế và sợ không thể đến để thu mua sò tiếp, anh H, chị N xuống xe lấy lý do giá sò giảm nên xin H và S rồi đưa cho S 8.500.000 đồng. H, S đồng ý cho xe anh H đi. Số tiền lấy từ anh H, S đưa cho H đếm được 8.000.000 đồng, số tiền này cuối ngày H đưa lại cho Phan Thanh D để D và Nguyễn Nhật L tổng hợp tiền thu trong ngày báo lại cho Ngô Mạnh L để L trừ chi phí. Sau khi thu tiền của anh H và một số thương lái khác, đã trừ chi phí trong ngày Ngô Mạnh L chỉ đạo cho D chia cho nhóm S, H, L, P 7.500.000 đồng, tổng số tiền thu được trong ngày còn lại D mang về đưa cho Ngô Mạnh L. Sau khi nhận tiền, S, H, L, P chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng chi phí ăn uống hết.

**Số tiền này cuối ngày** H đưa lại cho Phan Thanh D để D và Nguyễn Nhật L tổng hợp tiền thu trong ngày báo lại cho Ngô Mạnh L để L trừ chi phí. Sau khi thu tiền của anh H và một số thương lái khác, đã trừ chi phí trong ngày Ngô Mạnh L chỉ đạo cho D chia cho nhóm S, H, L, P 7.500.000 đồng, tổng số tiền thu được trong ngày còn lại D mang về đưa cho Ngô Mạnh L. Sau khi nhận tiền, S, H, L, P chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng chi phí ăn uống hết.

Từ giữa tháng 7 năm 2017 cho đến giữa tháng 8 năm 2017 chị Nguyễn Thị L cùng chị Trần Thị N thu mua sò tại phía bắc cầu cầu Roòn thì nhóm của Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Phạm Quang P, Nguyễn Nhật L trực tiếp giám sát việc cân thu mua sò của chị Nguyễn Thị L, buộc chị L phải nộp tiền theo đầu cân, 4.000 đồng/1kg sò. Số tiền mà nhóm Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Phạm Quang P, Nguyễn Nhật L chiếm đoạt là 10.200.000 đồng. Sau đó nhóm S đưa về cho L và chia nhau tiêu xài.

Ngoài 5 bị hại đến thu mua sò biển bị cưỡng đoạt tiền nói trên thì vào khoảng đầu tháng 8 năm 2017, anh Trần Văn N, nhân viên Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại Trường Thành, có trụ sở tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, cùng công nhân đến trực vớt tàu bị chìm do bão số 2 tại khu vực cảng Hòn La. Khoảng giữa tháng 8 năm 2017, khi anh N đang chỉ đạo cho công nhân tiến hành vớt, Nguyễn Ngọc S đã nảy sinh ý định cưỡng đoạt tài sản của anh N dưới dạng “bảo kê” nên đã gọi điện thoại yêu cầu anh N vào bờ nói chuyện. Anh N phải vào bờ gặp S và H, nhóm của S yêu cầu anh N vào làm ăn phải chi tiền bồi dưỡng. Xác định là nhóm đối tượng địa phương gây khó dễ đòi tiền buộc anh N phải hứa làm xong việc rồi sẽ gặp nhau. Sau đó vài ngày S điện thoại yêu cầu gặp anh N đề yêu cầu đưa tiền nên anh N nhờ người quen là anh Đặng Ngọc B, trú tại xã Q, huyện Q là Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp B, có Trụ sở tại xã Q, để anh B thỏa thuận giúp. Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Phạm Quang P, Nguyễn Nhật L đến gặp anh N tại nhà nghỉ H, xã Q nơi anh N lưu trú. S và H yêu cầu anh N đưa số tiền 50.000.000 đồng, anh B xin nhóm S, H bớt xuống 25.000.000 đồng, H không nhất trí, có hành động đập tay giữa bàn và quát mắng nói “Không đồng ý số tiền như vậy”. Hai bên thỏa thuận một lúc, S và H đồng ý lấy 30.000.000 đồng. Nền ngày 01 tháng 9 năm 2017, anh N điện thoại cho S đến nhà nghỉ H để giao tiền. Tại đây anh N đã đưa cho nhóm S số tiền 30.000.000 đồng. *S trực tiếp cầm tiền rồi đưa cho H cất giữ. Số tiền chiếm đoạt được của anh N, nhóm Nguyễn Ngọc S tổ chức ăn nhậu hết vào ngày lễ 02 tháng 9.*

Tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của 6 bị hại là 117.120.000 đồng. Trong đó: Bị cáo Cao Thanh H, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P và đồng bọn chiếm đoạt của 06 bị hại số tiền 117.120.000 đồng; bị cáo Ngô Mạnh L cùng đồng bọn chiếm đoạt của 05 bị hại số tiền 87.120.000 đồng; bị cáo Phan Thanh D cùng đồng bọn chiếm đoạt của 03 bị hại số tiền 62.920.000 đồng; bị cáo Phạm Hải N cùng đồng bọn chiếm đoạt của 01 bị hại số tiền 30.000.000 đồng; các bị cáo Phạm Ngọc T, Nguyễn Việt D, Phạm Văn T, Phan Ngọc S cùng đồng bọn chiếm đoạt của 01 bị hại số tiền 14.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, các bị cáo giao nộp lại cho bị cáo Ngô Mạnh L tổng hợp, sau khi trừ các khoản chi phí, khoản còn lại chia cho các bị cáo cùng nhau tiêu xài cá nhân. Do việc thu tiền của các bị hại cũng như việc ăn chia nhiều lần, không có sổ theo dõi, nên các bị cáo không nhớ cụ thể. Riêng số tiền 30.000.000 đồng mà nhóm của Nguyễn Ngọc S gồm các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Nguyễn Nhật L và Phạm Quang P chiếm đoạt của anh Trần Văn N, các bị cáo này cùng sử dụng chung mà không chia cho các bị cáo khác.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã thu giữ, các đồ vật tài liệu sau: 01 điện thoại di động màu đen bạc, loại máy trần, không rõ xuất xứ, trên màn hình có ghi chữ “GIGI”, số IMEI 1: 356240800471809; số IMEI 2: 356240800471817, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu “MJ phone”, màu vàng, loại máy trần, số IMEI 1: 866192014008716; số IMEI 2: 866192014008724, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE 6, màu trắng hồng, số IMEI: 354444066199987, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng, Model A33W, số IMEI 1: 862472039365919; số IMEI 2: 862472039365901, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, số IMEI 1: 866919020395517; số IMEI 2: 866919020395509, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE 6, màu đen, số IMEI : 359161079074008, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, loại máy trần, số IMEI : 359729062489076, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A7, màu vàng, số IMEI 1: 355728082722145; số IMEI 2: 35572802722143, điện thoại đã qua sử dụng.

Về dân sự: Quá trình điều tra và trước thời điểm mở phiên tòa các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền đã chiếm đoạt 112.120.000 đồng để bồi thường cho những người bị hại, cụ thể: Ngô Mạnh L nộp 14.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc S nộp 39.470.000 đồng; Cao Thanh H nộp 8.500.000 đồng; Phan Thanh D nộp 5.000.000 đồng; Nguyễn Nhật L nộp 8.500.000 đồng; Phạm Quang P nộp 8.500.000 đồng; Phạm Ngọc T nộp 7.075.000 đồng; Nguyễn Việt D nộp 5.000.000 đồng; Phạm Văn T nộp 5.000.000 đồng; Phạm Hải N nộp 6.000.000 đồng và Phan Ngọc S nộp 5.075.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Trạch trả lại cho anh Trần Văn N số tiền 30.000.000 đồng, trả lại cho anh Tường Văn T số tiền 14.000.000 đồng. Số tiền còn lại hiện đang được gửi tại kho bạc nhà nước huyện Quảng Trạch và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch.

Quá trình điều tra, các bị hại Tường Văn T, anh Lê Đức H, anh Trần Văn N, anh Trần Chiến T, chị Nguyễn Thị Kim O, chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Thành T, anh Trần Xuân H, chị Nguyễn Thị L và chị Trần Thị N đều khai quá trình làm ăn tại Cảnh Dương, Quảng Phú và Quảng Đông đã bị các bị cáo dùng những lời nói, cử chỉ để uy hiếp tinh thần của các bị hại, các bị hại sợ bị đánh đập, gây khó khăn trong quá trình làm ăn nên đã miễn cưỡng giao tiền cho các bị cáo.

Các bị hại anh Trần Văn N và anh và Tường Văn T đã nhận lại đầy đủ tài sản nên không có ý kiến, yêu cầu gì thêm, anh N có đơn bãi nại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Cáo trạng số 19/KT- VKSQT ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố các bị cáo Phạm Ngọc T, Nguyễn Việt D, Phạm Văn T, Phạm Hải N, Phan Ngọc S về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố các bị cáo Ngô Mạnh L, Phan Thanh D, Nguyễn Ngọc S; Cao Thanh H, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bản án số 25/2018/HS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Mạnh L, Phạm Ngọc T, Nguyễn Việt D, Phạm Văn T, Phan Thanh D, Phạm Hải N, Phan Ngọc S, Nguyễn Ngọc S; Cao Thanh H, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 135; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Ngô Mạnh L 24 (hai mươi bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20 tháng 10 năm 2017 đến ngày 12 tháng 3 năm 2018. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 24 (hai mươi bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 10 năm 2017 đến ngày 05

tháng 3 năm 2018. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật L 22 (hai mươi hai) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 10 năm 2017 đến ngày 05 tháng 3 năm 2018. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào các điểm c, d khoản 2 Điều 135; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Cao Thanh H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 10 năm 2017 đến ngày 05 tháng 3 năm 2018. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 135; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; tiết 1, 2 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Quang P 22 (hai mươi hai) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 10 năm 2017 đến ngày 05 tháng 3 năm 2018. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 135; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; tiết 1, 2 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phan Thanh D 22 (hai mươi hai) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2017 đến ngày 15 tháng 3 năm 2018. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 135; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; tiết 2 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 18 (mười tám) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15 tháng 11 năm 2017 đến ngày 15 tháng 3 năm 2018. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03 tháng 7 năm 2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Ngọc T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để đảm bảo cho việc thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 16 (mười sáu) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 10 năm 2017 đến ngày 05 tháng 3 năm 2018. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 135; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết D 15 (mười lăm) tháng tù, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 10 năm 2017 đến ngày 05 tháng 3 năm 2018. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Hải N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 135; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phan Ngọc S 14 (mười bốn) tháng tù

nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 (hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Ngọc S về cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Căn cứ các điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự, xử buộc bị cáo Phan Thanh D phải bồi thường cho bị hại Trần Chiến T 1.666.600 đồng; bồi thường cho vợ, chồng anh Nguyễn Thành T, chị Lê Thị Đ 1.666.600 đồng; bồi thường cho anh Trần Xuân H 1.666.600 đồng; tuyên buộc bị cáo Phan Thanh D phải chịu lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Tuyên trả số tiền đang tạm giữ cho các bị hại; Tuyên tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước 08 chiếc điện thoại di động đã thu giữ được xác định các bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc với nhau để phạm tội; tuyên buộc các bị CÁO Ngô Mạnh L, Phạm Ngọc T, Nguyễn Viết D, Phạm Văn T, Phan Thanh D, Phạm Hải N, Phan Ngọc S, Nguyễn Ngọc S; Cao Thanh H, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tuyên buộc bị cáo Phan Thanh D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, các bị hại theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 02 tháng 10 năm 2018, bị cáo Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Phạm Quang P, Nguyễn Nhật L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 bị cáo Phạm Hải N, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Nguyễn Ngọc S có nộp các tài liệu sau ở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình gồm:

Đơn xin xác nhận sự việc ngày 26 tháng 3 năm 2017, Nguyễn Ngọc S có công tham gia truy đuổi đối tượng Hoàng Văn N có hành vi trộm cắp tài sản của anh H. (Đơn có xác nhận của Trưởng Công an phường Ba Đồn);

Đơn đề ngày 05 tháng 11 năm 2018 của các bị hại Lê Thị Đ, Nguyễn Thành T, Trương Văn T, Lê Đức H, Trần Chiến T, Nguyễn Thị Kim O, Trần Xuân H, Nguyễn Thành T xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Ngọc S;

Giấy xác nhận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quảng Hải, thị xã Ba Đồn về việc Nguyễn Ngọc S cùng Nguyễn Nhật L có công quyên góp và kêu gọi nhà hảo tâm quyên góp ủng hộ người dân xã Quảng Hải bị thiệt hại trong cơn bão lũ năm 2016.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận Giấy xác nhận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Quảng Long về việc Phạm Quang P cùng Cao Thanh H có công quyên góp và kêu gọi nhà hảo tâm quyên góp ủng hộ người dân phường Quảng Long bị thiệt hại trong cơn bão lũ năm 2016; đơn của Phạm Quang P có xác nhận của Trưởng Công an phường Quảng Long về sự việc Phạm Quang P có công tham gia truy đuổi đối tượng trộm cắp tài sản của

anh Ngô Thanh T ở Xóm 4, tổ dân phố Trường Sơn, phường Quảng Long trong đêm 08 tháng 8 năm 2018.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019 nhận đơn xin được hưởng án treo của bị cáo Phạm Hải N có ý kiến xác nhận, đề nghị của Ủy ban nhân dân xã C cùng bản sao Giấy chứng nhận Thương binh Loại A của ông Phạm Bình Đ là bố của bị cáo Phạm Hải N.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L có đơn rút kháng cáo để chấp hành hình phạt theo quyết định của Bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Cao Thanh H, Phạm Quang P rút kháng cáo để chấp hành hình phạt theo quyết định của Bản án sơ thẩm; bị cáo Phạm Hải N rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và các bị cáo khác trong vụ án đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa và rút kháng cáo tại phiên tòa của các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P, Cao Thanh H và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo này; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hải N để sửa Bản án sơ thẩm, giữ y mức hình phạt 15 tháng tù nhưng cho bị cáo Phạm Hải N được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

Theo lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Hải N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của các bị cáo có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo là Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P, Cao Thanh H và lời khai của các bị cáo không kháng cáo là Ngô Mạnh L, Phạm Ngọc T, Nguyễn Viết D, Phạm Văn T, Phan Thanh D, Phan Ngọc S trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các người bị hại, người làm chứng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Ngô Mạnh L, Phạm Ngọc T, Nguyễn Viết D, Phạm Văn T, Phan Thanh D, Phạm Hải N, Phan Ngọc S, Nguyễn Ngọc S; Cao Thanh H, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P có đủ yếu tố cấu thành của tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật Hình sự năm 1999); Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Các bị cáo Ngô Mạnh L, Phạm Ngọc T, Nguyễn Viết D, Phạm Văn T, Phan Thanh D, Phạm Hải N, Phan Ngọc S, Nguyễn Ngọc S; Cao Thanh H, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P phạm tội trước ngày 01 tháng 01 năm 2018, ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, có hiệu lực nhưng được xét xử sau ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực, Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 là điều luật có lợi hơn so với Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” để xét xử đối với các bị cáo là đúng nhưng không nói rõ việc áp dụng Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo quy định của khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm

2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với các bị cáo là thiếu sót.

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Phạm Quang P, Nguyễn Nhật L có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng trước khi mở phiên toà và tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Cao Thanh H, Phạm Quang P đã rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Cao Thanh H, Phạm Quang P. Phần quyết định của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Cao Thanh H, Phạm Quang P có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo xin giảm được hưởng án treo của bị cáo Phạm Hải N, thấy: Trong vụ án này bị cáo Phạm Hải N bị quy kết cùng các bị cáo Ngô Mạnh L, Phan Thanh D, Nguyễn Ngọc S, Cao Thanh H, Phạm Quang P, Nguyễn Nhật L cưỡng đoạt của vợ, chồng bị hại Lê Thị Đ, Nguyễn Thành T 30.000.000 đồng, nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999, có hình phạt tù từ 1 năm đến 5 năm. Quá trình điều tra và xét xử thấy bị cáo tham gia với vai trò thụ động do bị Phan Thanh D cù rủ, lôi kéo, giao giám sát, theo dõi việc thu mua sò, cuối mỗi buổi cung cấp số lượng sò cho Phan Thanh D, được Phan Thanh D trả công 200.000 đồng, bị cáo biết tiền được Phan Thanh D trả là tiền do cưỡng đoạt của người mua sò mà có, bị cáo biết việc bị cáo mặt tại các điểm thu mua sò là để cùng các bị cáo khác lấy số đông uy hiếp buộc các chủ thu mua sò phải giao tiền theo lượng sò thu mua được mà đồng bọn của bị cáo đã tự đặt ra trước đó đối với các người ngoài địa phương đến thu mua sò.

Xét trong thời gian bị cáo có mặt tại bến thu mua sò, bị cáo thường giúp người khai thác sò bóc xếp, vận chuyển sò từ ghe lên bờ để cân, giúp bà Đ, ông T mua đá lạnh để ướp sò, đưa sò lên xe ô tô để bà Lê Thị Đ, ông Nguyễn Thành T đưa đi tiêu thụ. Việc bị cáo có nhận tiền từ bà Lê Thị Đ, ông Nguyễn Thành T về giao lại cho Phan Thanh D là do trước đó Phan Thanh D đã gặp, có ý kiến buộc bà Lê Thị Đ, ông Nguyễn Thành T giao tiền thông qua bị cáo nên bị cáo mới được ông T, bà Đ giao tiền, bị cáo không trực tiếp có lời nói hay cử chỉ đe dọa, uy hiếp buộc ông T, bà Đ giao tiền.

Theo tình tiết giảm nhẹ của khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự (bị cáo có bố là Thương binh) ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, được Chính quyền địa phương xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình cùng với vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo trong vụ án được xác định là kẻ bị các bị cáo khác lôi kéo, cù rủ, mức độ phạm tội không tích cực so với các bị cáo khác trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 về áp dụng

Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 về áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hải N để sửa Bản án sơ thẩm giữ y mức án 15 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như quan điểm và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P, Cao Thanh H, Phạm Hải N.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Cao Thanh H, Phạm Quang P, đã rút kháng cáo và được đình chỉ xét xử phúc thẩm nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Hải N kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; các điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Cao Thanh H, Phạm Quang Ph. Phần quyết định của Bản án phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Cao Thanh H, Phạm Quang P có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm (23 tháng 01 năm 2019).

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hải N để sửa Bản án sơ thẩm

Áp dụng khoản 1 Điều 135; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các khoản 1, 2, 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; các khoản 1, 2, 5 Điều 65; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đối với bị cáo Phạm Hải N.

Xử phạt bị cáo Phạm Hải N 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Thời gian thử thách án treo đối với bị cáo Phạm Hải N là 30 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (23 tháng 01 năm 2019).

Giao bị cáo Phạm Hải N cho UBND xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách mà bị cáo Phạm Hải N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách mà bị cáo Phạm Hải N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Nhật L, Cao Thanh H, Phạm Quang P, Phạm Hải N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về buộc bị cáo Phan Thanh D phải bồi thường cho bị hại Trần Chiến T 1.666.600 đồng; bồi thường cho vợ, chồng anh Nguyễn Thành T, chị Lê Thị Đ 1.666.600 đồng; bồi thường cho anh Trần Xuân H 1.666.600 đồng; tuyên buộc bị cáo Phan Thanh D phải chịu lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án; tuyên trả số tiền tạm giữ cho các bị hại; tuyên xử lý vật chứng vụ án; tuyên buộc các bị cáo Ngô Mạnh L, Phạm Ngọc T, Nguyễn Viêt D, Phạm Văn T, Phan Thanh D, Phạm Hải N, Phan Ngọc S, Nguyễn Ngọc S; Cao Thanh H, Nguyễn Nhật L, Phạm Quang P, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Phan Thanh D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (23 tháng 01 năm 2019).

**Nơi nhận:**

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GDKT 1 TAND TC;
- Sở Tư pháp Q Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Nguyễn Xuân Viêt**